

**CÔNG TY CỔ PHẦN WEIBO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WEIBO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WEIBO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WEIBO.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108842241

**3. Ngày thành lập:** 30/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9b Lâm Du, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [info@weibo.vn](mailto:info@weibo.vn)

Website: [weibo.vn](http://weibo.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310(Chính) |
| 2.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: thiết kế website                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 4.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng;<br>Lập trình các phần mềm nhúng.                                                                                                                                                                                                                                 | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.<br>Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ. | 6312        |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như: Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...                                                                                                             | 4741        |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3314 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3319 |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG THỊ THANH HUYỀN | Số 14 Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 80.000     | 800.000.000           | 10,000    | 001185004338                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 80.000     | 800.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                        |                                                                                     |                           |         |               |        |                  |
|---|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | DƯƠNG THỊ TRANG PHƯƠNG | Số 14 Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000  | 800.000.000   | 10,000 | 012747883        |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Tổng số                   | 80.000  | 800.000.000   | 10,000 |                  |
|   |                        |                                                                                     |                           |         |               |        |                  |
| 3 | NGUYỄN LÊ MINH QUÂN    | Số 14 Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 640.000 | 6.400.000.000 | 80,000 | 0010870273<br>87 |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                     | Tổng số                   | 640.000 | 6.400.000.000 | 80,000 |                  |
|   |                        |                                                                                     |                           |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN LÊ MINH QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 29/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087027387

Ngày cấp: 04/12/2018

Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 14 Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội